

BLA, B. Linh

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1058 /CV-BHXXH

Củ Chi, ngày 24 tháng 12 năm 2019

V/v nộp tiền và hồ sơ BHYT HSSV năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị trường học trên địa bàn huyện.

Tính đến thời điểm ngày 23 tháng 12 năm 2019, toàn huyện có 53.473 học sinh sinh viên (HSSV) tham gia BHYT có giá trị từ 01/01/2020 đạt tỷ lệ 70,24% trên tổng số 76.133 HSSV đang quản lý. Trong đó có một số trường đã đạt tỷ lệ trên 90% HSSV tham gia BHYT năm 2020, tuy nhiên còn nhiều trường tỷ lệ HSSV tham gia BHYT năm 2020 còn rất thấp, thậm chí có trường còn chưa thực hiện (danh sách đính kèm).

Để kịp thời xử lý hồ sơ, cấp thẻ BHYT, gia hạn thời hạn sử dụng thẻ BHYT cho HSSV từ ngày 01/01/2020 đảm bảo quyền lợi khám chữa bệnh cho HSSV, BHXH huyện đề nghị các đơn vị trường học khẩn trương thực hiện một số nội dung như sau:

- Thực hiện nộp tiền ngay về cơ quan BHXH huyện và lập hồ sơ tham gia BHYT cho những HSSV đã đóng tiền BHYT theo quy định.

- Đẩy mạnh đôn đốc thu BHYT HSSV, kịp thời nộp tiền, nộp hồ sơ điện tử về cơ quan BHXH huyện, không hạn chế số lần nộp, đảm bảo số tiền đã thu BHYT của HSSV trong năm 2019 phải nộp về cơ quan BHXH huyện trước ngày 31/12/2019.

- Trường hợp HSSV bị bệnh trong thời chờ cấp thẻ BHYT thì nhà trường liên hệ BHXH huyện để được giải quyết ngay.

BHXH huyện đề nghị các đơn vị trường học thực hiện ngay để đảm bảo quyền lợi về BHYT cho HSSV theo đúng quy định. Việc nộp tiền, nộp hồ sơ chậm trễ làm gián đoạn thời hạn thẻ BHYT của HSSV thì đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu: VT, bp Thu.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Anh Kiệt

Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi
24-12-2019 09:47:12 +07:00

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CỬ CHI

BẢNG THEO DÕI HSSV THAM GIA BHYT NĂM 2020
<Số liệu tính đến ngày 23 tháng 12 năm 2019>

Stt	Mã ĐV	Tên đơn vị	Số HSQL 2019-2020	Số HS tham gia BHYT trường	Số HS TG diện khác	Tổng số HS tham gia BHYT	Tỷ lệ (chưa tính thẻ khác)	Ghi chú
I	Khối tiểu học		38,785	27,023	0	27,023	69,67%	
1	BD0025Q	Trường Tiểu Học An Phước	520	71	0	71	13.65%	
2	BD0042Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông	1,184	184	0	184	15.54%	
3	BD0006Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ	818	135	0	135	16.50%	
4	BD0011Q	Trường Tiểu Học Lê Thị Pha	635	111	0	111	17.48%	
5	BD0067Q	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Củ Chi	81	15	0	15	18.52%	
6	BD0040Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi 2	532	132	0	132	24.81%	
7	BD0071Q	Trường Tiểu Học An Phú 2	503	201	0	201	39.96%	
8	BD0036Q	Trường Tiểu Học Tân Thông Hội	638	298	0	298	46.71%	
9	BD0023Q	Trường Tiểu Học Phước Hiệp	955	460	0	460	48.17%	
10	BD0001Q	Trường Tiểu Học Trần Văn Châm	907	456	0	456	50.28%	
11	BD0079Q	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Tân Trung	1,858	971	0	971	52.26%	
12	BD0003Q	Trường Tiểu Học Tân Phú Trung	1,738	1,087	0	1,087	62.54%	
13	BD0015Q	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	1,029	677	0	677	65.79%	
14	BD0022Q	Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng	593	398	0	398	67.12%	
15	BD0066Q	Trường Tiểu Học Hòa Phú	1,454	1,004	0	1,004	69.05%	
16	BD0059Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2	302	215	0	215	71.19%	
17	BD0021Q	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	1,136	829	0	829	72.98%	
18	BD0048Q	Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An	709	519	0	519	73.20%	
19	BD0034Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	418	308	0	308	73.68%	
20	BD0106Q	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	1,034	779	0	779	75.34%	
21	BD0050Q	Trường Tiểu Học Thái Mỹ	1,132	883	0	883	78.00%	
22	BD0068Q	Trường Tiểu Học Trung An	1,406	1,110	0	1,110	78.95%	
23	BD0051Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	859	680	0	680	79.16%	
24	BD0002Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2	1,288	1,020	0	1,020	79.19%	
25	BD0044Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông 2	1,442	1,148	0	1,148	79.61%	
26	BD0033Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	683	556	0	556	81.41%	

Sst	Mã ĐV	Tên đơn vị	Số HSQL 2019-2020	Số HS tham gia 2020 tại trường	Số HS TG diện khác	Tổng số HS tham gia BHYT	Tỷ lệ (chưa tính thẻ khác)	Ghi chú
27	BD0073Q	Trường Tiểu Học Tân Thông	1,368	1,114	0	1,114	81.43%	
28	BD0020Q	Trường Tiểu Học Tân Thành	1,219	993	0	993	81.46%	
29	BD0039Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Cù Chi	1,376	1,129	0	1,129	82.05%	
30	BD0030Q	Trường Tiểu Học Tân Phú	1,286	1,057	0	1,057	82.19%	
31	BD0019Q	Trường Tiểu Học Lê Văn Thế	865	712	0	712	82.31%	
32	BD0026Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2	827	686	0	686	82.95%	
33	BD0060Q	Trường Tiểu Học An Phú 1	491	413	0	413	84.11%	
34	BD0024Q	Trường Tiểu Học Phước Thạnh	1,014	865	0	865	85.31%	
35	BD0005Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Thượng	472	404	0	404	85.59%	
36	BD0004Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Tây	735	631	0	631	85.85%	
37	BD0063Q	Trường Tiểu Học Tân Tiến	1,473	1,293	0	1,293	87.78%	
38	BD0045Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây	1,023	898	0	898	87.78%	
39	BD0061Q	Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Lịch	785	695	0	695	88.54%	
40	BD0031Q	Trường Tiểu Học Liên Minh Công Nông	931	854	0	854	91.73%	
41	BD0043Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông	1,066	1,032	0	1,032	96.81%	
II Khối THCS			25,213	17,820	0	17,820	70.68%	Đã đóng tiền nhưng chưa nộp hồ sơ
42	BD0009Q	Trường THCS Phước Vĩnh An	1,057	0	0	0	0.00%	
43	BD0007Q	Trường THCS An Nhơn Tây	1,119	102	0	102	9.12%	
44	BD0058Q	Trường THCS Thị Trấn 2	1,496	547	0	547	36.56%	
45	BD0072Q	Trường THCS Phước Hiệp	746	401	0	401	53.75%	
46	BD0053Q	Trường THCS Phạm Văn Cội	763	439	0	439	57.54%	
47	BD0037Q	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	419	244	0	244	58.23%	
48	BD0032Q	Trường THCS Hòa Phú	985	601	0	601	61.02%	
49	BD0038Q	Trường THCS Nhuận Đức	550	337	0	337	61.27%	
50	BD0065Q	Trường THCS An Phú	640	423	0	423	66.09%	
51	BD0035Q	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	846	581	0	581	68.68%	
52	BD0047Q	Trường THCS Tân Thông Hội	1,390	1,012	0	1,012	72.81%	
53	BD0041Q	Trường THCS Phú Hòa Đông	1,434	1,100	0	1,100	76.71%	
54	BD0008Q	Trường THCS Phước Thạnh	1,178	935	0	935	79.37%	
55	BD0076Q	Trường THCS Trung An	812	656	0	656	80.79%	
56	BD0027Q	Trường THCS Tân Thạnh Đông	2,387	1,972	0	1,972	82.61%	
57	BD0017Q	Trường THCS Tân Tiến	1,037	863	0	863	83.22%	
58	BD0057Q	Trường THCS Bình Hòa	1,242	1,069	0	1,069	86.07%	

Stt	Mã ĐV	Tên đơn vị	Số HSQL 2019-2020	Số HS tham gia 2020 tại trường	Số HS TG diện khác	Tổng số HS tham gia BHYT	Tỷ lệ (chưa tính thế khác)	Ghi chú
59	BD0077Q	Trường THCS Tân An Hội	1,164	1,020	0	1,020	87.63%	
60	BD0075Q	Trường THCS Tân Thạnh Tây	706	625	0	625	88.53%	
61	BD0052Q	Trường THCS Thị Trấn	950	848	0	848	89.26%	
62	BD0029Q	Trường THCS Trung Lập Hạ	530	479	0	479	90.38%	
63	BD0049Q	Trường THCS Tân Phú Trung	2,792	2,643	0	2,643	94.66%	
64	BD0062Q	Trường THCS Trung Lập	970	923	0	923	95.15%	
III	Khối THPT		9,813	7,612	0	7,612	77.57%	
65	BD0028Q	Trường THPT An Nhơn Tây	1,169	734	0	734	62.79%	
66	BD0064Q	Trường THPT Phú Hòa	1,391	880	0	880	63.26%	
67	BD0012Q	Trường THPT Củ Chi	1,972	1,463	0	1,463	74.19%	
68	BD0013Q	Trường THPT Trung Lập	717	583	0	583	81.31%	
69	BD0014Q	Trường THPT Trung Phú	1,865	1,582	0	1,582	84.83%	
70	BD0016Q	Trường THPT Quang Trung	1,130	968	0	968	85.66%	
71	BD0046Q	Trường THPT Tân Thông Hội	1,569	1,402	0	1,402	89.36%	
IV	Khối giáo dục nghề nghiệp		2,322	1,018	0	1,018	43.84%	
72	BD0074Q	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	72	0	0	0	0.00%	Chưa thực hiện
73	BD0069Q	Trường Trung Cấp Bách Khoa Sài Gòn	427	82	0	82	19.20%	
74	BD0078Q	Trường Trung cấp Tây Sài Gòn	50	11	0	11	22.00%	
75	BD0055Q	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên H. Củ Chi	768	252	0	252	32.81%	
76	BD0056Q	Trường Trung Cấp Nghề Củ Chi	1,005	673	0	673	66.97%	
		Tổng cộng	76,133	53,473	0	53,473	70.24%	

Ngày 24 tháng 12 năm 2019

GIÁM ĐỐC BHXH

LẬP BIỂU

NGUYỄN VĂN CHÍNH

ĐÀO ANH KIẾT

